

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-PT

Ngày 09/9/2025

“V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chê Linh

Các Thẩm phán: Ông Võ Bảo Anh

Bà Võ Bích Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Nguyễn Phương Nhã là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2025/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2025/HN-ST ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 370/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 377/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 05/2025/QĐPT-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Kim H, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A đường N, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thị Ngọc D của Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Bùi Văn Ó, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A đường N, phường T, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: 1. Bà Huỳnh Kim H là nguyên đơn.

2. Ông Bùi Văn Ớ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 08 tháng 3 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Kim H trình bày:*

Bà và ông Ớ qua thời gian tìm hiểu cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân. Lễ cưới tổ chức vào năm 2015 nhưng đến ngày 20/10/2016 ông bà mới tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên tranh cãi. Do cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ớ.

Về con chung và nợ chung: Không có

Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng có 01 căn nhà và đất tại địa chỉ A N, P. A, Q. N, TP .. Giấy chứng nhận QSD số CC936685, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS15841 do Sở T1 cấp ngày 04/7/2016 do ông Bùi Văn Ớ đứng tên chủ sử dụng. Bà yêu cầu chia đôi tài sản chung và yêu cầu được nhận giá trị.

** Bị đơn là ông Bùi Văn Ớ trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân. Ông không nhớ cả hai đăng ký kết hôn trước hay sau khi tổ chức lễ cưới. Ông thống nhất ly hôn với bà H.

Về con chung và nợ chung: Thống nhất không có.

Về tài sản chung: Ông xác định thửa đất 1129, tờ bản đồ 13, diện tích 73m² giấy chứng nhận QSD số CC936685, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS15841 do Sở T1 cấp ngày 04/7/2016 là tài sản riêng của ông, tài sản có trước thời kỳ hôn nhân (trước thời điểm ông và bà H đăng ký kết hôn). Chỉ có căn nhà xây dựng trên thửa đất 1129 là tài sản chung của ông và bà H. Ông chỉ đồng ý chia căn nhà, không đồng ý chia đất. Tuy nhiên hiện căn nhà ông đã chuyển nhượng cho người khác, tiền đã xài hết. Tài sản này không còn nên ông không đồng ý chia cho bà H.

Ngoài ra tài sản chung còn có số tiền 200.000.000 đồng hùn mua đất hiện đất đã bán, số tiền 200.000.000 đồng do bà H giữ; Bàn mỹ phẩm bán tại siêu thị G do bà H quản lý, giá trị là 200.000.000 đồng; Số tiền tiết kiệm 250.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng E do bà H đứng sổ. Ông yêu cầu chia số tiền trên.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 42/2025/HN-ST ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ) đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Kim H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Kim H được ly hôn với ông Bùi Văn Ổ.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của bà H và ông Ổ gồm: Căn nhà được xây dựng trên thửa đất 1129 tọa lạc tại số A đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, giá trị căn nhà là 433.676.672 đồng.

Ông Bùi Văn Ổ được chia căn nhà. Ông Ổ có trách nhiệm hoàn lại cho bà Huỳnh Kim H $\frac{1}{2}$ giá trị bằng số tiền 216.838.336 đồng (Hai trăm mười sáu triệu tám trăm ba mươi tám ngàn ba trăm ba mươi sáu đồng).

4. Bác yêu cầu của bà Huỳnh Kim H về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị QSD thửa đất 1129, tờ bản đồ 13, diện tích 73m² giấy chứng nhận QSD số CC936685, sổ vào sổ CS15841 do Sở T1 cấp ngày 04/7/2016 cho ông Bùi Văn Ổ.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Tổng cộng là 18.200.000 đồng. Bà H và ông Ổ mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí. Do bà H tạm ứng số tiền này nên ông Ổ có trách nhiệm hoàn lại cho bà H 9.100.000 đồng (Chín triệu một trăm ngàn đồng).

7. Về án phí: Bà Huỳnh Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; 10.842.000 đồng án phí chia tài sản và 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.300.000 đồng mà bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy theo biên lai thu tiền số 0002608 ngày 10/4/2024. Bà H được nhận lại 858.000 đồng (T tám năm mươi tám ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

Ông Bùi Văn Ổ phải chịu và 10.842.000 đồng (Mười triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn đồng) án phí chia tài sản.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 16/4/2025, nguyên đơn bà Huỳnh Kim H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm số 42/2025/HN-ST ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh

Kiều (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ) theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia đôi giá trị tài sản là phần đất thuộc thửa đất 1129, tờ bản đồ số 13, diện tích 73m², tọa lạc tại khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Trong đó, bà Kim H được nhận ½ giá trị tài sản bằng tiền theo chứng thư định giá, đồng ý bàn giao tài sản là nhà và đất cho ông Ó sau khi ông hoàn thành nghĩa vụ hoàn giá trị cho bà H.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 23/4/2025, bị đơn ông Bùi Văn Ó kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia số tiền 200.000.000 đồng quỹ kinh doanh mỹ phẩm tại siêu thị G, tiền mua đất 200.000.000 đồng và 250.000.000 đồng tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng E. Không đồng ý hoàn lại số tiền ½ giá trị căn nhà là 216.838.336 đồng vì ông Ó đã bán căn nhà chi xài hết.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các bên không thoả thuận được việc giải quyết tranh chấp.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, quá trình tiến đến kết hôn, lời khai của người chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mức lương của nguyên đơn tại thời điểm chuyển nhượng cho thấy nhà và đất trong vụ án là tài sản chung của vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua phân tích các chứng cứ, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng, kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ. Theo hồ sơ thể hiện, mặc dù ông bà tiến hành đăng ký kết hôn sau khi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trước đó, ông bà đã tổ chức đám cưới, có đơn xin đăng ký kết hôn. Quá trình nhận chuyển nhượng được chủ đất xác định là hai người tiến hành nhận chuyển nhượng về mặt thực tế. Mức thu nhập của nguyên đơn tại thời điểm chuyển nhượng, vợ chồng có thể chấp quyền sử dụng đất, các sự kiện đó đủ cơ sở xác định nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng. Bên cạnh đó, kháng cáo của bị đơn cũng được chấp nhận một phần bởi khoản tiền có được từ việc hùn mua đất được bà H thừa nhận. Bà H không chứng minh được việc sử dụng số tiền đó cho mục đích gia đình số tiền đó là tài sản của vợ chồng. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án theo hướng xác định thửa đất 1129 là tài sản chung của bà H và ông Ó trước khi kết hôn, căn nhà trên đất là tài sản chung của vợ chồng; giao cho ông Ó nhận hiện

vật, buộc ông Ó phải có nghĩa vụ hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất và giá trị nhà cho bà H; bà H phải trả lại cho ông Ó 75.000.000 đồng tiền hùn mua đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên tranh chấp ly hôn. Toà án nhân dân quận Ninh Kiều (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ) đã thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hồ sơ thể hiện, ông Ó cho rằng bà H giữ số tiền 200 triệu đồng là số tiền có được do hùn tiền mua đất. Tại Biên bản hoà giải ngày 17/12/2024 của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều (Bút lục số 80), bà H thừa nhận có số tiền này những đã chi xài cho cuộc sống vợ chồng. Như vậy, số tiền 200 triệu đồng là tài sản vợ chồng do bà H giữ nên ông Ó yêu cầu chia đôi số tiền này là có cơ sở. Ngược lại, ông Ó không chứng minh được các khoản tiền như 250 triệu đồng gửi ngân hàng, số tiền 200 triệu đồng là giá trị quầy bán mỹ phẩm tại siêu thị GO nên Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo phân chia của ông Ó là đúng pháp luật.

[3] Quá trình tiến đến hôn nhân của ông bà cho thấy, ngày 02/12/2015, ông Ó và bà H có đơn xin kết hôn gửi Ban lãnh đạo công an quận B. Ngày 30/01/2016, ông bà tổ chức lễ cưới. Ngày 04/7/2016, ông Ó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1129 thông qua hợp đồng chuyển nhượng. Ngày 20/10/2016, ông bà đăng ký kết hôn. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Huỳnh Văn Đ (người đã chuyển nhượng thửa đất 1129) xác định cả ông Ó và bà H là người gặp ông Đ để thoả thuận việc chuyển nhượng, cùng đến văn phòng C để thực hiện thủ tục chuyển nhượng và trả tiền. Quá trình sử dụng đất, vợ chồng cũng đã cùng thế chấp ngân hàng. Căn cứ vào diễn biến các sự kiện và lời khai của ông Đ thì có đủ cơ sở xác định quyền sử dụng đất tại thửa 1129 là tài sản chung của ông Ó và bà H. Việc bà H yêu cầu ông Ó hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 208 và Điều 213 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên cho thấy, kháng cáo của ông Ó được chấp nhận một phần. Theo đó, bà H có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Ó 100 triệu đồng. Kháng cáo của bà H được chấp nhận, ông Ó có nghĩa vụ hoàn lại cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất ($2.189.692.000 \text{ đồng} / 2 = 1.094.846.000 \text{ đồng}$). Khấu trừ nghĩa vụ bà H đối với ông Ó thì ông Ó hoàn lại cho bà H số tiền $1.094.846.000 \text{ đồng} - 100.000.000 \text{ đồng} = 994.846.000 \text{ đồng}$.

[5] Tại phiên toà phúc thẩm, ông Ó khai đã chuyển nhượng nhà đất cho ông Bùi Thanh Đ1 (anh của ông Ó), có cung cấp hợp đồng chuyển nhượng. Toà án đã triệu tập ông Đ1 tham gia phiên toà để làm rõ. Thấy rằng, việc chuyển nhượng giữa ông Ó và ông Đ1 chưa hoàn thành và không có sự đồng ý của bà H. Ông Ó cũng thừa nhận nhận tiền chuyển nhượng từ ông Đ1. Do vậy, quan hệ chuyển nhượng không liên quan đến bà H, nếu có tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[6] Căn cứ vào Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Ó và bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Ó phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Kim H được ly hôn với ông Bùi Văn Ó.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung:

+ Ông Bùi Văn Ó được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà và quyền sử dụng đất tại thửa 1129, tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC936685, số vào sổ CS15841 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố T1 cấp ngày 04/7/2016 cho ông Bùi Văn Ó.

+ Ông Bùi Văn Ó có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Huỳnh Kim H số tiền 994.846.000 đồng (Chín trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ khi bà H có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Ó chưa trả hết số tiền nêu trên thì ông Ó còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Chi phí thẩm định và định giá tài sản: Ông Bùi Văn Ó có trách nhiệm hoàn lại cho bà H 9.100.000 đồng (Chín triệu một trăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Kim H phải chịu 600.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí (12.300.000 đồng) mà bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ) theo

biên lai thu tiền số 0002608 ngày 10/4/2024, bà H được nhận lại 11.700.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ.

- Ông Bùi Văn Ổ phải chịu 41.845.380 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Huỳnh Kim H được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006064 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cần Thơ).

- Ông Bùi Văn Ổ được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006156 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cần Thơ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 1 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 1 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Chế Linh